



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về Ngân hàng	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu B02a/TCTD)	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu B03a/TCTD)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu B04a/TCTD)	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu B05a/TCTD)	12 - 88



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động số	0026/NH-GP	ngày 22 tháng 8 năm 1992
	Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 99 năm kể từ ngày cấp.	
Giấy phép Thành lập số	463/GP-UB	ngày 1 tháng 9 năm 1992
	Giấy phép Thành lập được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/ Doanh nghiệp số	0300872315	ngày 1 tháng 9 năm 1992
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300872315 ngày 22 tháng 10 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Quốc Toàn Ông Trần Ngô Phúc Vũ Ông Phan Đình Tân Ông Nguyễn Quốc Mỹ Bà Võ Thị Tuyết Nga Bà Đỗ Anh Thư	Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên độc lập
Ban Kiểm soát	Bà Triệu Kim Cân Bà Nguyễn Thị Thúy Vân Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng ban Thành viên Thành viên

008
HÀN
G MA
AM
TR. H

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Tâm
Bà Võ Thị Tuyết Nga
Ông Lê Quang Quảng
Ông Trần Khải Hoàn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Quốc Toàn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan

Trụ sở đăng ký

Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám
Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

723)
HÀNG
CỔ P
Á
CỔ

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 88 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Tâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2019





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành vào ngày 19 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 88.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00281-19-1



Nguyễn Thanh Nghi
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2019

	Thuyết minh	30/6/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND	
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng	4	822.872	463.755
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.600.648	2.844.909
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	9.989.074	9.866.059
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		9.601.353	9.866.059
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		458.658	49.417
3	Dự phòng rủi ro		(70.937)	(49.417)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	63.324	63.324
1	Chứng khoán kinh doanh		144.141	144.141
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(80.817)	(80.817)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	1.061	-
VI	Cho vay khách hàng		59.009.999	50.042.960
1	Cho vay khách hàng	9	59.790.607	50.814.947
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(780.608)	(771.987)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	8.332.641	9.041.087
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.161.329	3.836.046
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		4.177.450	5.320.257
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(6.138)	(115.216)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	414.241	414.145
1	Đầu tư vào công ty con		300.000	300.000
4	Đầu tư dài hạn khác		117.280	117.280
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(3.039)	(3.135)
X	Tài sản cố định		841.085	821.000
1	Tài sản cố định hữu hình	13	397.350	365.367
a	Nguyên giá		726.390	678.675
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(329.040)	(313.308)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	14	33.574	38.544
a	Nguyên giá		74.830	73.598
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.256)	(35.054)
3	Tài sản cố định vô hình	15	410.161	417.089
a	Nguyên giá		512.701	512.701
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(102.540)	(95.612)
XII	Tài sản Có khác	16	2.066.672	1.538.336
1	Các khoản phải thu		293.209	231.353
2	Các khoản lãi, phí phải thu		1.588.340	1.177.679
4	Tài sản Có khác		210.786	160.144
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(25.663)	(30.840)
TỔNG TÀI SẢN			83.141.617	75.095.575

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

	Thuyết minh	30/6/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17	1.641
			1.770
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	18	10.723.130
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	10.097.072	10.799.106
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	626.058	1.503.056
III	Tiền gửi của khách hàng	19	62.926.136
			54.254.038
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	20	130.507
			128.714
VI	Phát hành giấy tờ có giá	21	3.097.983
			2.605.723
VII	Các khoản nợ khác	22	1.713.152
1	Các khoản lãi, phí phải trả	1.379.632	1.224.166
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	333.520	376.830
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	78.592.549	70.893.403
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	24	4.549.068
1	Vốn của tổ chức tín dụng	3.356.079	3.356.079
a	Vốn điều lệ	3.353.494	3.353.494
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	10	10
c	Thặng dư vốn cổ phần	2.550	2.550
g	Vốn khác	25	25
2	Các quỹ	302.799	301.795
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.349)	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối	891.539	544.298
a	Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này/năm nay	349.355	502.192
b	Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước	542.184	42.106
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.549.068	4.202.172
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	83.141.617	75.095.575

	Thuyết minh	30/6/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
2	Cam kết giao dịch hối đoái Trong đó:	37	1.864.897
	▪ Cam kết mua ngoại tệ		647
	▪ Cam kết bán ngoại tệ		350.250
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi		649
			163.450
			1.863.601
			-
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	37	940.529
			15.289
5	Bảo lãnh khác	37	277.929
			267.464

Ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thảo
 Trưởng bộ phận Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra



Nguyễn Thị Mỹ Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
 Tổng Giám đốc



2315
 IÀNG
 CỘ PH
 I Á
 O CH

	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 Triệu VND	30/6/2018 Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	3.256.298	2.354.513
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(2.237.335)	(1.594.636)
I Thu nhập lãi thuần	25	1.018.963	759.877
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26	76.669	48.994
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	26	(37.209)	(30.124)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	39.460	18.870
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	11.423	15.013
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	36.088	60.708
5 Thu nhập từ hoạt động khác	29	5.771	20.974
6 Chi phí hoạt động khác	29	(2.880)	(9.157)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	29	2.891	11.817
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	63	77
VIII Chi phí hoạt động	31	(622.103)	(520.995)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		486.785	345.367
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(44.415)	(20.876)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế		442.370	324.491
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	(93.015)	(66.189)
8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	-	-
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33	(93.015)	(66.189)
XIII Lợi nhuận sau thuế		349.355	258.302

Ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thảo
Trưởng bộ phận Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2019	30/6/2018	
	Triệu VND	Triệu VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.834.613	1.992.546
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.083.372)	(1.598.148)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	40.648	18.640
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	47.474	79.620
05	Chi phí khác	(2.575)	(7.530)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	5.131	19.169
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(780.708)	(413.911)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(116.817)	(29.744)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	(55.606)	60.642
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(159.241)	387.028
10	Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	817.524	1.184.559
11	(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(1.061)	509
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(8.975.660)	(7.223.406)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(123.427)	(7)
14	(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động	(27.394)	43.164
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Giảm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(129)	(321.492)
16	(Giảm)/tăng tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(1.579.032)	1.341.065
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	8.672.098	8.477.719
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	492.260	513.880
19	Tăng/(giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	1.793	(3.572)
20	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	1.053
21	Tăng khác về công nợ hoạt động	113.779	112.200
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(824.096)	4.573.342

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho
 kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04a/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư
 số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
 30/6/2019 30/6/2018
 Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng	(81.975) (24.954)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.613 1.477
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	63 77
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(74.299) (23.400)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04	Cổ tức trả cho cổ đông	(106) (449)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(106) (449)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	(898.501) 4.549.493
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ	13.174.723 5.912.350
VI	ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ	(1.349) (2.530)
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ (THUYẾT MINH 34)	12.274.873 10.459.313


Ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thảo
 Trưởng bộ phận Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra



Nguyễn Thị Mỹ Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này